

kotra

Korea Trade-Investment
Promotion Agency

FTA Hàn Việt

Hướng dẫn vận dụng thực tế



Trung tâm hỗ trợ
FTA Hàn Việt

kotra
Korea Trade-Investment
Promotion Agency

Các bước vận dụng FTA Hàn-Việt

Bước 1 FTA Hàn - Việt là gì?

Bước 2 Thuế suất hiện tại của mặt hàng mà doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu là bao nhiêu %, sau khi FTA có hiệu lực thì thuế suất giảm bao nhiêu/khi nào giảm?

Bước 3 Để được ưu đãi thuế quan FTA thì cần đáp ứng điều kiện gì?

Bước 4 Cần nộp giấy tờ gì để xin ưu đãi thuế quan FTA Hàn - Việt?

Bước 5 Hỏi thông tin, tư vấn vận dụng FTA ở cơ quan nào?

I. Khái quát FTA Hàn - Việt

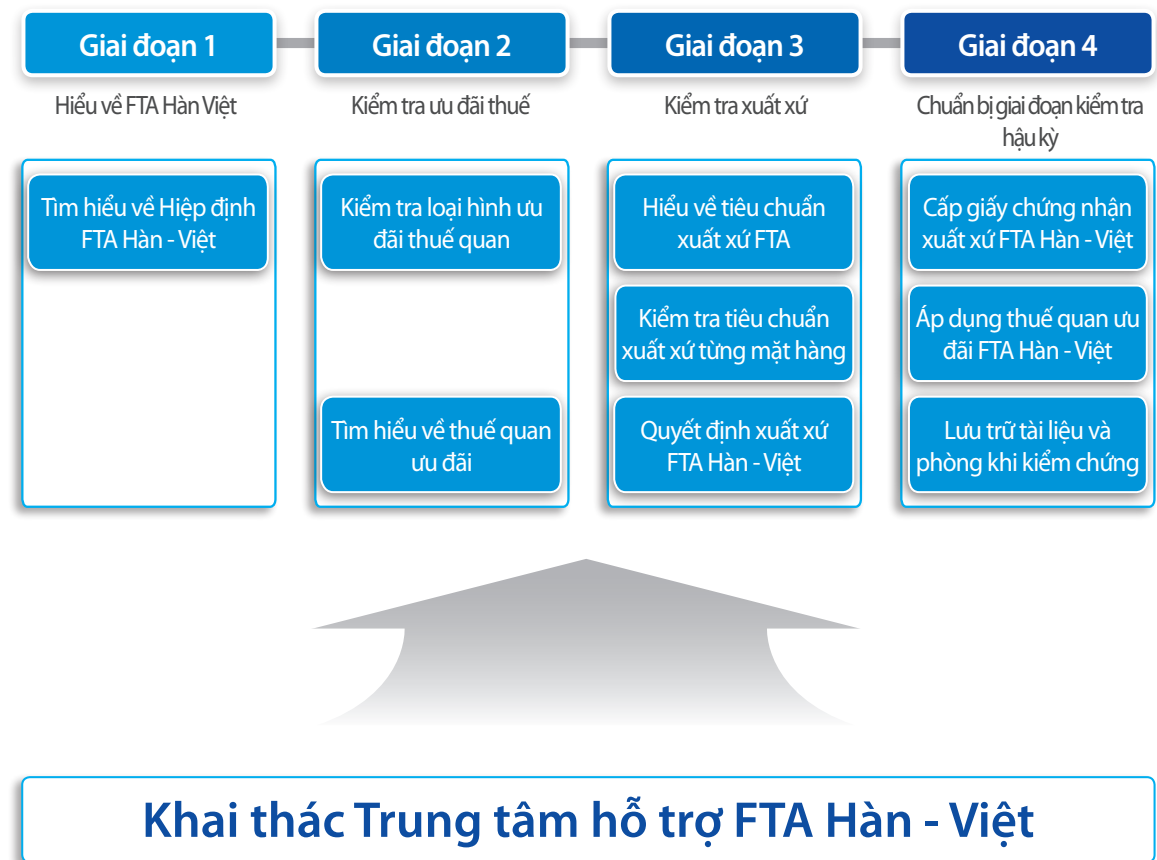
II. Ưu đãi thuế quan FTA Hàn - Việt

III. Tiêu chuẩn xuất xứ hàng hóa FTA Hàn - Việt

IV. Chứng nhận xuất xứ hàng hóa FTA Hàn - Việt

V. (Việt Nam) KOTRA Trung tâm hỗ trợ vận dụng FTA Hàn - Việt (Hàn Quốc) FTA Support Center Hiệp hội thương mại Hàn Quốc
Tổng cục Hải Quan, Phòng Thương mại Công nghiệp Hàn Quốc

Quá trình vận dụng FTA Hàn Việt



< Toktok Face | Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn - Việt



Mỹ phẩm Toktok Face

Xin chào? Chúng tôi là Toktok Face công ty sản xuất mỹ phẩm cơ bản. Được biết Hiệp định FTA Hàn-Việt đã có hiệu lực, xin được hỏi công ty chúng tôi có thể vận dụng Hiệp định như thế nào?

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Rất hân hạnh. Đây là Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt. Đầu tiên, FTA là hiệp định với điều khoản liên quan tới tự do hóa thương mại tức là miễn hoặc giảm thuế (thuế suất bằng 0 hoặc được giảm theo giai đoạn) giữa Hàn Quốc và quốc gia cùng ký kết. Phía doanh nghiệp hiện đang băn khoăn nhất về việc doanh nghiệp sẽ nhận được ưu đãi gì sau khi FTA Hàn-Việt có hiệu lực. Đầu tiên, doanh nghiệp sẽ nhận được thuế xuất ưu đãi đặc biệt FTA khi xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam, hoặc nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam. Không chỉ vậy, việc hợp tác kinh tế trên nhiều lĩnh vực thương mại dịch vụ, giao dịch thương mại điện tử, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ... cũng được thúc đẩy.

kotra



Mỹ phẩm Toktok Face

Được biết giữa Hàn Quốc và Việt Nam đã có FTA Hàn- ASEAN, vậy FTA Hàn-Việt và FTA Hàn-ASEAN có gì khác biệt?

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Như doanh nghiệp đã biết, giữa Hàn Quốc và Việt Nam có hiệu lực từ FTA Hàn-ASEAN trước đó. FTA Hàn-Việt có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2015 là FTA cập nhật thêm, vừa thỏa thuận thêm về ưu đãi thuế quan trên nền tảng FTA Hàn-ASEAN, và bổ sung phương pháp và thủ tục chứng minh xuất xứ. Mỹ phẩm mà Toktok Face sản xuất không được ưu đãi thuế quan theo FTA Hàn-ASEAN đã ký, nhưng có thể được ưu đãi thuế quan theo FTA Hàn-Việt.

kotra



Mỹ phẩm Toktok Face

Khi FTA Hàn-Việt có hiệu lực, thì chúng tôi có nhận được ưu đãi ngay không nhỉ?

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Không được. Tuy cũng có mặt hàng được miễn thuế ngay khi được ưu đãi, nhưng sẽ miễn hoặc giảm thuế theo giai đoạn từ 3 đến 15 năm. Do đó, doanh nghiệp nên kiểm tra xem có được ưu đãi thuế quan theo từng mặt hàng hay không, thời gian là khi nào. (Tham khảo trang 7 hướng dẫn)

kotra



Mỹ phẩm Toktok Face

Mỹ phẩm mà chúng tôi sản xuất có thể được ưu đãi thuế bao nhiêu? (Mặt hàng: Mỹ phẩm cơ bản (lotion dưỡng da), HS Code : 3304.9930)

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Sau khi kiểm tra văn bản Hiệp định FTA Hàn-Việt, thuế suất tiêu chuẩn khi xuất khẩu sang Việt Nam là 20%, nhưng sẽ giảm 2% mỗi năm trong vòng 10 năm, cho tới khi miễn thuế bằng 0%. Doanh nghiệp có thể kiểm tra ở chương 2 phần Hiệp định hàng hóa của Hiệp định để biết thuế suất tiêu chuẩn từng mặt hàng là bao nhiêu %, sau khi FTA có hiệu lực thì mất bao nhiêu năm để thuế suất giảm (thuế suất tiêu chuẩn: 20%, loại hình ưu đãi thuế quan: Y-10). Trung tâm chúng tôi sẽ hướng dẫn doanh nghiệp về lịch trình giảm thuế theo mặt hàng mà doanh nghiệp quan tâm. (Trang 8 của hướng dẫn)

kotra



Mỹ phẩm Toktok Face

Chúng tôi có nhà máy sản xuất ở Hàn Quốc và nước ngoài, vậy cả hai có thể nhận được ưu đãi không?

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Không được. Thuế ưu đãi FTA chỉ được áp dụng khi đáp ứng được điều kiện. Trước hết, giới hạn áp dụng trong hàng hóa được sản xuất tại quốc gia cùng ký hiệp định (Hàn Quốc và Việt Nam). Nếu Hàn Quốc là doanh nghiệp mẹ, nhưng hàng hóa được sản xuất ở quốc gia thứ 3 (VD: Đức) thì không được áp dụng. Tuy nhiên, nếu Đức là doanh nghiệp mẹ, sản xuất hàng ở Hàn Quốc thì có thể nhận được ưu đãi nếu hàng đáp ứng được điều kiện tiêu chuẩn xuất xứ theo FTA Hàn-Việt. Và dù sản xuất tại Hàn Quốc, vẫn cần chứng minh điều kiện xuất xứ, có Giấy chứng nhận xuất xứ thì mới nhận được thuế quan ưu đãi đặc biệt.

kotra



Mỹ phẩm Toktok Face

Chúng tôi muốn nhận được trợ giúp trong việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và các dịch vụ khác nhưng phải liên lạc với cơ quan nào?

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Từ khi có hướng dẫn về mã HS CODE (phân loại hàng hóa) thì tại Hàn Quốc đã có các cơ quan như Trung tâm hỗ trợ tổng hợp FTA thuộc Hiệp hội thương mại Hàn Quốc, Tổng cục hải quan... chuyên tư vấn, thỏa thuận về FTA để hỗ trợ tạo và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ, và ở Việt Nam cũng có Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt của KOTRA. ^_^

kotra



Mỹ phẩm Toktok Face

Lần đầu doanh nghiệp chúng tôi tiếp cận Việt Nam, không có người quen... thật khó để làm marketing ở đây.

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Vâng. Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt chúng tôi sẽ giúp đỡ doanh nghiệp. Hai cơ sở của Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt ở Hà Nội và Tp HCM sẽ cung cấp dịch vụ tư vấn sâu về thuế quan ưu đãi đặc biệt là bao nhiêu, và người mua phải chuẩn bị gì cho doanh nghiệp. ^^ Ngoài ra, chúng tôi còn có ban tư vấn bên ngoài được hình thành từ các lãnh đạo doanh nghiệp Việt Nam, do đó không chỉ tư vấn sâu về pháp luật-hải quan-kế toán, mà còn giải quyết được các vấn đề khó khăn trong lĩnh vực công nghiệp như: vật liệu tiêu dùng sinh hoạt, vật liệu linh kiện... Doanh nghiệp hãy coi chúng tôi là "Người dẫn đường cho các doanh nghiệp đã tiến sang nước ngoài khi doanh nghiệp mong muốn tiến sang nước ngoài". Nếu gặp khó khăn do nhiều rào cản phi thuế quan ở Việt Nam, doanh nghiệp có thể liên lạc, trung tâm chúng tôi sẽ vận dụng các kênh cơ quan công và tư để tích cực hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết vấn đề. ^^

kotra



Mỹ phẩm Toktok Face

Cảm ơn Trung tâm đã nhiệt tình tư vấn. Chúng tôi đã cảm thấy FTA rất khó khăn, nhưng nhờ có KOTRA mà lấy lại được tự tin. Trong quá trình chuẩn bị xuất khẩu sang Việt Nam, sẽ còn nhiều điều thắc mắc. Chúng tôi có thể tiếp tục liên lạc không?? ++

Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt

Đương nhiên rồi. Doanh nghiệp có thể liên lạc với Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt chúng tôi bất cứ khi nào có thắc mắc liên quan tới FTA Hàn-Việt.

kotra

I. Khái quát FTA Hàn-Việt

FTA là gì?

Hiệp định liên quan tới tự do hóa thương mại như miễn hoặc giảm thuế giữa Hàn Quốc và quốc gia cùng ký kết Ngày hiệu lực FTA Hàn-Việt: từ 20.12.2015

Cấu tạo Hiệp định FTA Hàn-Việt

Các vấn đề liên quan	Dịch vụ - Đầu tư	Quy phạm-Hợp tác	Điều khoản chung
2. Ưu đãi cho người Hàn Quốc và tiếp cận thị trường hàng hóa - Phụ lục 2-A-1 Biểu ưu đãi thuế Hàn Quốc nhóm A - Phụ lục 2-A-1 Biểu ưu đãi thuế Hàn Quốc nhóm B - Phụ lục 2-A-2 Biểu ưu đãi thuế Việt Nam nhóm A - Phụ lục 2-A-2 Biểu ưu đãi thuế Việt Nam nhóm B	8. Dịch vụ - Phụ lục 8-D Biểu ưu đãi thuế dịch vụ Hàn Quốc - Phụ lục 8-D Biểu ưu đãi thuế dịch vụ Việt Nam	10. Giao dịch thương mại điện tử*	1. Lỗi đầu và quy định cơ bản
3. Quy định xuất xứ và thủ tục xuất xứ - Phụ lục 3-A Quy định xuất xứ từng mặt hàng (PSR) - Phụ lục 3-C Giấy chứng nhận xuất xứ	9. Đầu tư	11. Cạnh tranh	15. Giải quyết tranh chấp
4. Thông quan và tự do hóa thương mại		12. Quyền sở hữu trí tuệ	16. Ngoại lệ
5. Vệ sinh và biện pháp kiểm dịch thực vật (SPS)		13. Hợp tác kinh tế	17. Chế độ và quy định cuối cùng
6. Rào cản kỹ thuật thương mại (TBT)		14. Tính minh bạch	
7. Quy chế thương mại			

* Lần đầu tiên Việt Nam có chương riêng trong FTA giữa hai nước về giao dịch thương mại điện tử

Cách vận dụng Hiệp định FTA Hàn-Việt

Sau khi FTA có hiệu lực, thuế suất giảm bao nhiêu/khi nào giảm?

Điều kiện để được nhận thuế ưu đãi đặc biệt FTA là gì?

Cần nộp giấy tờ gì để xin thuế ưu đãi đặc biệt FTA?

2. Ưu đãi cho người Hàn Quốc và tiếp cận thị trường hàng hóa

3. Quy định xuất xứ, thủ tục xuất xứ

II-1. Ưu đãi thuế quan FTA Hàn-Việt

Tiêu chuẩn ưu đãi thuế quan toàn bộ hàng hóa trong FTA Hàn-Việt

FTA Hàn-Việt là “FTA cập nhật thêm” thỏa thuận thêm ưu đãi thuế quan trên nền tảng FTA Hàn-ASEAN. Ưu đãi thuế quan thêm (tiêu chuẩn số lượng nhập khẩu 12 năm): (Hàn) 94,7% (+3%) và (Việt) 92,4% (+6,1%)

(Nguồn) Hàn Quốc, Việt Nam FTA chỉ tiết dữ liệu, thường là Bộ Công nghiệp năm 2015

Phân loại	Hàn Quốc				Việt Nam			
	Số hàng hóa (Mã)		Lượng nhập khẩu Việt Nam 2012(ngàn \$)		Số hàng hóa (Mã)		Nhập khẩu Hàn Quốc 2012(ngàn \$)	
Tổng	12,232		5,717,642		9,471		15,494,076	
FTA Hàn-ASEAN	11,169	91.3%	5,244,642	91.7%	8,245	87.1%	13,375,246	86.3%
Miễn thuế tức thì (Bao gồm có/không thuế)	91	0.7%	72,330	1.3%	65	0.7%	179,932	1.2%
Miễn thuế 3 năm	216	1.8%	12,931	0.2%	16	0.2%	296,688	1.9%
Miễn thuế 5 năm	134	1.1%	43,140	0.8%	47	0.5%	19,070	0.1%
Miễn thuế 7 năm	7	0.1%	2,998	0.1%	29	0.3%	16,747	0.1%
Miễn thuế 8 năm	-	-	-	-	6	0.1%	8,137	0.1%
Miễn thuế 10 năm	48	0.4%	40,195	0.7%	106	1.1%	405,553	2.6%
Miễn thuế 15 năm	3	0.02%	242	0.004%	3	0.03%	11,173	0.1%
Tổng nhỏ	499	4.1%	171,836	3.0%	272	2.9%	937,301	6.1%
Tổng cộng	11,668	95.4%	5,416,478	94.7%	8,517	89.9%	14,312,547	92.4%

(VD) Thuế suất tiêu chuẩn được miễn thuế 3 năm nghĩa là miễn thuế sau 3 năm, thuế từ ngày 1.1.2017 là 0%

Không áp dụng chế độ tương trợ trong FTA Hàn-ASEAN => Cải thiện thực tế việc tiếp cận thị trường

Đối với hàng hóa nhạy cảm của nước xuất khẩu, dù nước nhập khẩu ưu đãi cho hàng hóa đó là hàng hóa thông thường thì vẫn có thể bị bãi bỏ ưu đãi theo FTA Hàn-ASEAN

(VD) Nếu xuất khẩu trà xanh Hàn Quốc (hàng hóa siêu nhạy cảm của Hàn Quốc) sang Việt Nam, dù Việt Nam ưu đãi cho trà xanh là hàng hóa thông thường (thuế ưu đãi 0%) thì sẽ không áp dụng 0% thuế ưu đãi cho trà Hàn Quốc, mà áp dụng thuế suất MFN tại Việt Nam

Trường hợp 560 / 566 loại hàng hóa của Việt Nam không được áp dụng thuế suất theo Hiệp định FTA Hàn-ASEAN do chế độ hiệp định tương trợ, sẽ áp dụng tỷ lệ thuế suất hiệp định ưu đãi (0~10%) khi FTA Hàn-Việt có hiệu lực và hoàn thành miễn thuế từ năm 2018

Phân loại	Số hàng hóa (Mã)	Nhập khẩu từ Hàn Quốc của Việt Nam 2012(ngàn \$)	Hàng hóa chính
Hàng hóa công nghiệp	61	1,070,622	Clinker xi măng, nhiên liệu Diesel, hóa phẩm hữu cơ (ethylene dichloride, vinyl chloride, butanol, axeton, ethyl acetate, vinyl acetate...), phân bón nitơ, xà phòng, sản phẩm công nghiệp hóa học, nhựa tổng hợp, động cơ đẩy thuyền, vòng bi, pin
Nông sản	348	27,660	Thịt gà, đồ ăn sẵn cho trẻ sơ sinh, đồ ăn cho gia súc, sữa và kem, táo (tươi), dầu mè và phần phân đoạn của dầu mè, dầu tã (tươi), viên gỗ ép mùn của pallet, gạo (đã xát), hồng (tươi), bơ sữa, khoai tây (tươi/đông lạnh), nho (tươi), nhân sâm, nước cam, nước táo, cốm ngũ cốc, trà xanh, bột ngô, keo (glue), rau củ khác, dextrin và tinh bột biến tính
Thủy sản	146	5,613	Cá chình (sống), cá bon (tươi/đông lạnh), cá ngừ (tươi/đông lạnh), cá tuyết (ruột), cá kiểng (đông lạnh), cá minh thái (đông lạnh), mực (đông lạnh), cua (đông lạnh), sò (đông lạnh), sản phẩm gia công thủy sản
Lâm sản	11	754	Xơ gỗ ép, ván ép, ván nhiều lớp, gỗ đặc...
Tổng cộng	566	1,104,650	

(Nguồn: Tài liệu về FTA Hàn-Việt Nam, Bộ Tài nguyên Thương mại Công nghiệp Hàn Quốc, 2015)

II-2. Ví dụ ưu đãi thuế quan FTA Hàn-Việt

Nhóm 1 (Nhóm A): Giảm thuế suất tiêu chuẩn theo loại hình ưu đãi thuế quan

Biểu ưu đãi thuế quan Việt Nam			
HS CDOE(HS 2012) (Mã mặt hàng)	Description (Tên mặt hàng)	Base Rate (Thuế suất tiêu chuẩn)	Staging Category (Loại hình ưu đãi)
XXXX.XXXX	xxxx	20	Y-10

Nhóm 2 (Nhóm B): Áp dụng thuế suất được quy định theo năm tương ứng

Biểu ưu đãi thuế quan Việt Nam					
HS CDOE(HS 2012) (Mã mặt hàng)	Description (Tên mặt hàng)	Base Rate 2015 (Thuế suất tiêu chuẩn)	2016	2017	2018 and subsequent year (Sau năm 2018)
XXXX.XXXX	xxxx	0	0	0	0

- Thuế tiêu chuẩn là thuế suất tiêu chuẩn khi đàm phán FTA, là điểm xuất phát của ưu đãi thuế quan

(VD) : Sản phẩm đang chịu thuế 20% có được ưu đãi thuế quan là hạng mục miễn thuế nhất định (Y-10) hay không?

Năm đầu (ngay từ ngày có hiệu lực) thuế là 18% giảm 2%/1/10 của 20%), năm thứ 2 (từ ngày 1/1 năm tiếp theo) là 16%, năm thứ 3 giảm bằng mỗi năm còn 14%, năm thứ 10 (từ 1/1 của năm thứ 9 sau những năm có hiệu lực) sẽ được miễn thuế.

Thuế suất tiêu chuẩn	20%	
Năm thứ nhất (ngày hiệu lực)	18%	-2.0%
Năm thứ 2(1.1)	16%	-2.0%
Năm thứ 3(1.1)	14%	-2.0%
Năm thứ 4(1.1)	12%	-2.0%
Năm thứ 5(1.1)	10%	-2.0%

Năm thứ 6(1.1)	8%	-2.0%
Năm thứ 7(1.1)	6%	-2.0%
Năm thứ 8(1.1)	4%	-2.0%
Năm thứ 9(1.1)	2%	-2.0%
Năm thứ 10(1.1)	0%	-2.0%

II-3. Kiểm tra thuế ưu đãi trong FTA Hàn-Việt

① Kiểm tra HS CODE	② Kiểm tra biểu ưu đãi thuế quan	③ Kiểm tra loại hình ưu đãi thuế quan
• Hàn Quốc xuất khẩu sang Việt Nam - Kiểm tra 8 chữ số HS CODE Việt Nam* • Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc - Kiểm tra 10 chữ số HS CODE Hàn Quốc	• Hàn Quốc xuất khẩu sang Việt Nam - Kiểm tra biểu ưu đãi thuế quan Việt Nam • Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc - Kiểm tra biểu ưu đãi thuế quan Hàn Quốc	• Loại hình ưu đãi thuế áp dụng chung Hàn Quốc, Việt Nam: - Y-1, Y-3, Y-5, Y-7, Y-8, Y-10, E • Loại hình ưu đãi thuế áp dụng Hàn Quốc - S-1, B-1, C, R, TRQ • Loại hình ưu đãi thuế áp dụng Việt Nam - S-2, S-3, A, B-2
Trang chủ cổng thông tin pháp lệnh thuế quan 3.0 của Tổng Hải quan Hàn Quốc - Tham khảo HS CODE thế giới (https://unipass.customs.gov.kr/clip/index.do)	Kiểm tra biểu ưu đãi thuế quan FTA Hàn-Việt: (http://www.fta.go.kr/main/situation/kfta/lov5/vn/1/1/)	

* HS CODE của Việt Nam là 8 chữ số, cũng có trường hợp sử dụng 10 chữ số, khi đó phải lưu ý kiểm tra 10 chữ số này.
(VD) HS CODE 3906.9020 (acrylic polymer khác), 7326.9099 (sản phẩm gang thép khác) được chia nhỏ tới 10 chữ số.

II-4. Kiểm tra ưu đãi thuế quan FTA Hàn-Việt – Mỹ phẩm

① Kiểm tra HS CODE

<https://unipass.customs.go.kr/clip/index.do> (Tổng cục hải quan)-Cổng thông tin pháp lệnh thuế quan 3.0

관세법령정보포털 3.0
CLIP 3.0 (Customs Law Information Portal 3.0)

통합검색 |

법령 관세정보 세계HS 관세평가 무역기능 세무식 정보공개 전체메뉴

모든 관세법령정보를 이곳에!!

국내 관련법령 무역 관련법령 외국 관련법령 세관장 확인
국제 관련법령 행정 관련법령 통관문고 행정규칙

법령정보 **세계HS정보** 분류사제 관세평가

자주찾는관세행정 BUY 푸른서비스 수출통관 수출통관 환급 FTA AEO 특송물품 여행자유대물 국제우편물 이사물품 물품

최신법령 | 최신결정례 | 최신판공 | 최신평가 | **행정예고** | 법령질의 | 평가질의 | 금주의 현율

	2016.05.22~2016.05.28
[시행규칙] 건강기능식품에 관한 법률 시행규칙	2016-05-19
[시행령] 건강기능식품에 관한 법률 시행령	2016-05-17
[시행규칙] 항공법 시행규칙	2016-05-11
[시행령] 관세법 시행령	2016-05-10
[시행령] 관세청과 그 소속기관 직제	2016-05-10

통화 | 캐나다 달러(CAD) | 수출관료 | 899.57 | 관세관료 | 917.61

관세법령정보포털 3.0
CUF 3.0 (Customs Law Information Portal 3.0)

법령
관세정보
세계HS
관세평가
편의기능
새소식
정보공개
연계서비스

세계HS정보

해당나라를 선택하시면 세계HS정보로 이동합니다.

법령정보
세계HS정보
분류사례
관세평가

찾기쉬운 산업별 HS가이드

자동차

반도체

편한디스플레이

해외직접구매

분석결과와 심사사례

휴대전화부품

최신법령 | 최신결정례 | 최신품목 | 최신평가 | +

행정예고 | 법령질의 | 평가질의 | +

금주의 환율 +

- [시행규칙] 건강기능식품에 관한 법률 시행규칙 2016-05-19
- [시행령] 건강기능식품에 관한 법률 시행령 2016-05-17
- [시행규칙] 항공법 시행규칙 2016-05-11
- [시행령] 관세법 시행령 2016-05-10

최종결과가 존재하지 않습니다.

2016.05.22 ~ 2016.05.28

통화 | 미국 달러(USD)

수출환율 1167.22

관세법령정보포털 3.0 (CUIP 3.0 Customs Law Information Portal 3.0)

통합검색

법령 관세정보 세계HS 관세평가 관의기능 세소식 정보공개 전체메뉴

세계HS

HS정보

- 속건표
- HS해설서
- 관세율표
- HS비고
- 세계HS개정표
- HS 가이드
- 품목분류 국내사례
- 품목분류 외국사례

관세율표 > 베트남 [2016년]

검색 **Biểu thuế Lịch Tìm kiếm**

부	류	구분	설명	해설서
01	살아 있는 동물	제1류	살아 있는 동물	해설서
02	육과 식용 설육(膾肉)	제2류	육과 식용 설육(膾肉)	해설서
03	어류·갑각류·연체동물과 그 밖의 수생(水生) 무척추 동물	제3류	어류·갑각류·연체동물과 그 밖의 수생(水生) 무척추 동물	해설서
04	낙농품, 새의 알, 천연꿀, 다른 류로 분류되지 않은 식 용인 동물성 생산품	제4류	낙농품, 새의 알, 천연꿀, 다른 류로 분류되지 않은 식 용인 동물성 생산품	해설서
05	제5류 다른 류로 분류되지 않은 동물성 생산품	제5류	제5류 다른 류로 분류되지 않은 동물성 생산품	해설서
06	제6류 살아 있는 수목과 그 밖의 식물, 인경(鱗莖)·뿌리와 이와 유사한 물품, 절화(切花)와 장식용 잎	제6류	제6류 살아 있는 수목과 그 밖의 식물, 인경(鱗莖)·뿌리와 이와 유사한 물품, 절화(切花)와 장식용 잎	해설서
07	제7류 식용의 채소·뿌리·괴경(塊莖)	제7류	제7류 식용의 채소·뿌리·괴경(塊莖)	해설서
08	제8류 식용의 과일과 견과류, 감귤류·멜론의 껍질	제8류	제8류 식용의 과일과 견과류, 감귤류·멜론의 껍질	해설서
09	제9류 커피·차·마테(maté)·향신료	제9류	제9류 커피·차·마테(maté)·향신료	해설서

Việt Nam

2016년

* Phải nhập tên tiếng Anh thông thường khi tìm kiếm HS CODE.

관세법령정보포털 3.0 (CUIP 3.0 Customs Law Information Portal 3.0)

통합검색

법령 관세정보 세계HS 관세평가 관의기능 세소식 정보공개 전체메뉴

세계HS

HS정보

- 속건표
- HS해설서
- 관세율표
- HS비고
- 세계HS개정표
- HS 가이드
- 품목분류 국내사례
- 품목분류 외국사례

Nhiều danh sách thuế quan nước ngoài (UI-ULS-0201-016Q)

Home > 세계HS > HS정보 > 관세율표

검색 SKIN CREAM

Mã mặt hàng	Tên mặt hàng [Việt Nam năm 2016]	Nhiều danh	
	Tiếng Hàn	Tiếng Việt	sắc
3304 99 30	--- 그 밖의 얼굴이나 피부용 크림 과 로션	--- Kem và dung dịch (lotion) bô i mặt hoặc bôi da khác	16%

* Ngoài tên gọi, HS CODE còn phải phân loại căn cứ vào nhiều yếu tố như: số lượng, tính năng, thành phần, chất liệu...

* Do đó, phương pháp kiểm tra HS CODE đã nêu để tham khảo, HS CODE chính xác có thể được tư vấn thêm bởi các chuyên gia của Trung tâm hỗ trợ vận dụng FTA

② Kiểm tra biểu ưu đãi thuế

www.fta.go.kr - Thông tin Hiệp định Việt Nam

FTA 강국, KOREA

홈 | 사이트맵 | 글자크기

우리나라 FTA | FTA 활용-대책 | 통상정책마당 | FTA 정보광장 | 참여마당 | 기관소개

우리나라 FTA 현황 한눈에 보기

Customized FTA
수요자 맞춤형 FTA정보

FTA 사이버연수원
FTA활용을 위한 사이버 강의

FTA활용유관기관
장폐기관 및 산하유관기관 정보

국민참여마당
질의응답 및 의견제출

발효국가 | 서명/타결국가 | 협상중국가 | 협상제계역전조성국가 | 협상준비공동연구국가

자주찾는 서비스

- 관세율 정보
- 원산지 정보
- 시후검증
- 협정문 정보
- FTA주요내용
- 논문/연구보고서
- FTA용어찾기
- FTA뉴스
- FTA추진현황

※ Tìm kiếm trên bản đồ Map Search hoặc nhấn vào Thông tin hiệp định

FTA 강국, KOREA

홈 | 사이트맵 | 글자크기

우리나라 FTA | FTA 활용-대책 | 통상정책마당 | FTA 정보광장 | 참여마당 | 기관소개

FTA 정보광장 > 참고자료

협정문 정보

HOME > FTA 정보광장 > 참고자료 > 협정문 정보

해당 페이지는 각 국가의 협정문 정보 링크를 모아놓았습니다.
원하시는 국가의 국기를 클릭하시면 해당 국가의 협정문 정보 페이지로 이동합니다.

발효

타결

최신뉴스

- 산업부 연론보도
- 보도자료
- 영상브리핑
- 주요기관 언론보도
- 보도자료
- 영상뉴스
- 공직사항

참고자료

- 참고자료
- 세계 FTA 주요동향
- 기고문/연설문/인터뷰
- 보고서
- 법령 및 서식
- 사전자료
- 협정문 정보
- 국가정보

FTA 쉽게 알기

- FTA 용어찾기
- ...

Thông tin hiệp định

※ Chọn 'Việt Nam'

Chương 2		
Ưu đãi cho người Hàn Quốc và tiếp cận thị trường hàng hóa		
· Phụ lục 2-A-1 Biểu ưu đãi thuế quan Hàn Quốc nhóm A		
· Phụ lục 2-A-1 Biểu ưu đãi thuế quan Hàn Quốc nhóm B		
· Phụ lục 2-A-2 Biểu ưu đãi thuế quan Việt Nam nhóm A		
· Phụ lục 2-A-2 Biểu ưu đãi thuế quan Việt Nam nhóm B		

Kiểm tra biểu ưu đãi thuế quan Việt Nam trong trường hợp xuất khẩu từ Hàn Quốc sang Việt Nam

③ Kiểm tra loại hình ưu đãi thuế quan

3304.9930 : face or skin creams and lotions

HS code (HS 2012)	Description	Base rate	Staging Category
33041000	- Lip make-up preparations	22	S-3
33042000	- Eye make-up preparations	25	S-3
33043000	- Manicure and pedicure preparations	22	Y-10
33049100	-- Powders, whether or not compressed	25	Y-10
33049920	--- Anti-acne creams	10	Y-10
33049930	--- Other face or skin creams and lotions	20	Y-10
33049990	--- Other	20	Y-10
33052000	- Preparations for permanent waving or straightening	18	S-2
33059000	- Other	20	Y-10
33071000	- Pre-shave, shaving or after-shave preparations	22	S-3
33073000	- Perfumed bath salts and other bath preparations	20	Y-10
34011110	--- Medicated products	20	S-2
34011120	--- Bath soap	20	Y-10
34011130	--- Other, of felt or nonwovens, impregnated, coated or covered with soap or detergent	20	Y-10
34011190	--- Other	20	S-2

Skin Lotion: miễn 20% thuế sau 10 năm

Thuế suất tiêu chuẩn là 20%, nghĩa là mỗi năm giảm 2% trong giai đoạn 10 năm tới khi miễn thuế

II-5. Loại hình ưu đãi thuế quan FTA Hàn-Việt

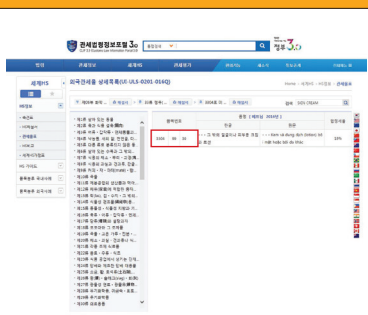
Phân loại	Staging Category (Loại hình ưu đãi thuế quan)	Nội dung	Ghi chú
Biểu ưu đãi thuế quan chung Hàn Quốc, Việt Nam	Y-1	Miễn thuế hoàn toàn từ ngày Hiệp định có hiệu lực	
	Y-3	Giảm thuế ngang bằng mỗi năm kéo dài 3 giai đoạn từ ngày Hiệp định có hiệu lực (đến ngày 1/1 năm thứ 3 thì miễn thuế)	Miễn thuế từ 1.1.2017
	Y-5	Giảm thuế ngang bằng mỗi năm kéo dài 5 giai đoạn từ ngày Hiệp định có hiệu lực (đến ngày 1/1 năm thứ 5 thì miễn thuế)	Miễn thuế từ 1.1.2019
	Y-7	Giảm thuế ngang bằng mỗi năm kéo dài 7 giai đoạn từ ngày Hiệp định có hiệu lực (đến ngày 1/1 năm thứ 7 thì miễn thuế)	Miễn thuế từ 1.1.2021
	Y-8	Giảm thuế ngang bằng mỗi năm kéo dài 8 giai đoạn từ ngày Hiệp định có hiệu lực (đến ngày 1/1 năm thứ 8 thì miễn thuế)	Miễn thuế từ 1.1.2022
	Y-10	Giảm thuế ngang bằng mỗi năm kéo dài 10 giai đoạn từ ngày Hiệp định có hiệu lực (đến ngày 1/1 năm thứ 10 thì miễn thuế)	Miễn thuế từ 1.1.2024
	Y-15	Giảm thuế ngang bằng mỗi năm kéo dài 15 giai đoạn từ ngày Hiệp định có hiệu lực (đến ngày 1/1 năm thứ 15 thì miễn thuế)	Miễn thuế từ 1.1.2029
	E	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn	
Biểu ưu đãi thuế quan Hàn Quốc	S-1	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn trước 1.1.2016 Giảm 0%~5% tới 1.1.2016	
	B-1	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn trước 1.1.2016 Giảm trên 20% thuế áp dụng của Hàn Quốc (tiêu chuẩn 1.1.2015) tới 1.1.2016	
	C	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn trước 1.1.2016 Giảm trên 50% thuế áp dụng của Hàn Quốc (tiêu chuẩn 1.1.2015) tới 1.1.2016	
	R	Bãi bỏ mọi nghĩa vụ thuế theo Hiệp định thương mại FTA Hàn-Việt	
	Tham khảo Phụ lục 2-A-1 (See Appendix 2-A-1 of the Schedule of Korea)	Cho phép miễn thuế theo số lượng nhất định, duy trì thuế suất tiêu chuẩn đối với số lượng vượt quá	Áp dụng mục lục HS CODE 7 chữ số*
Biểu ưu đãi thuế quan Việt Nam	S-2	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn trước 1.1.2021 Giảm 0%~5% tới 1.1.2021	
	S-3	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn trước 1.1.2017 Sau khi giảm 20% tới 1.1.2017, duy trì tới 1.1.2021, giảm 0%~5% tới 1.1.2021	
	A	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn trước 1.1.2021 Giảm dưới 50% tới 1.1.2021	
	B-2	Duy trì thuế suất tiêu chuẩn trước 1.1.2021 Giảm trên 20% thuế áp dụng cho Việt nam tới 1.1.2021 (tiêu chuẩn 1.1.2005)	

* Tôm : 0306.16-1090, 0306.16-9090, 0306.17-1090, 0306.17-9090, 0306.26-1000, 0306.27-1000, 1605.21-9000

II-6. Phương pháp kiểm tra ưu đãi thuế quan FTA Hàn-Việt

Mỹ phẩm (creams và lotions, HS CODE : 3304.9930) kiểm tra thuế ưu đãi đặc biệt khi xuất khẩu Hàn Quốc -> Việt Nam

① Kiểm tra HS CODE



Kiểm tra HS CODE: 3304.9930

② Kiểm tra biểu ưu đãi thuế quan



Thuế suất tiêu chuẩn: 20,
loại hình ưu đãi thuế quan: Y-10

③ Kiểm tra loại hình ưu đãi thuế quan

Y-10(giảm thuế ngang bằng trong 10 năm)
- Giảm thuế ngang bằng mỗi năm trong 10 giai đoạn từ ngày Hiệp định có hiệu lực

Thuế suất tiêu chuẩn 20%	20%	
Năm nhất(ngày hiệu lực)	18%	-2.0%
Năm thứ 2(1.1)	16%	-2.0%
Năm thứ 3(1.1)	14%	-2.0%
Năm thứ 4(1.1)	12%	-2.0%
Năm thứ 5(1.1)	10%	-2.0%
Năm thứ 6(1.1)	8%	-2.0%
Năm thứ 7(1.1)	6%	-2.0%
Năm thứ 8(1.1)	4%	-2.0%
Năm thứ 9(1.1)	2%	-2.0%
Năm thứ 10(1.1)	0%	-2.0%

Giảm ngang bằng thuế suất 20%theo giai đoạn 10 năm

Lưu ý kiểm tra thuế suất ưu đãi đặc biệt

- Ưu đãi thuế quan FTA là so sánh thuế suất MFN hiện tại với thuế suất ưu đãi đặc biệt FTA
 - * Thuế suất MFN thực tế là thuế suất gia tăng khi nhập khẩu từ quốc gia chưa ký kết FTA
 - (VD) Thuế suất MFN thực tế 20% - Thuế suất ưu đãi đặc biệt FTA 16% = Phát sinh 4% ưu đãi thuế FTA
 - (VD) Thuế suất MFN thực tế 0% - Thuế suất ưu đãi đặc biệt FTA 0% = Phát sinh 0% ưu đãi thuế FTA
- Theo biến động của thuế suất MFN thực tế, ưu đãi thuế FTA có thể thay đổi, phải nghiên cứu kỹ thuế suất MFN thực tế ở nước nhập khẩu
 - (VD) Xe tải đông lạnh tổng trọng lượng dưới 5 tấn: duy trì thuế tiêu chuẩn 15% ở Biểu ưu đãi thuế quan với Việt nam Quy định theo mục E loại hình ưu đãi thuế quan
 - Thuế suất MFN thực tế của Việt Nam năm 2016 được điều chỉnh lên 20%
 - => Phát sinh 5% ưu đãi thuế FTA

III. Tiêu chuẩn xuất xứ FTA Hàn-Việt

Tại sao tiêu chuẩn xuất xứ lại quan trọng?

- Vì FTA chỉ cấp ưu đãi thuế quan cho những quốc gia ký kết Hiệp định, chỉ cấp ưu đãi thuế quan với hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam và Hàn Quốc.
 - Phán đoán hàng hóa có phải sản phẩm đối tượng áp dụng thuế quan Hiệp định hay không thông qua tiêu chuẩn xuất xứ
- Để được nhận thuế quan ưu đãi theo FTA Hàn-Việt
 - Đáp ứng được tiêu chuẩn xuất xứ FTA,
 - Đạt được giao dịch giữa hai bên xuất nhập khẩu tại nước ký Hiệp định (Hàn/Việt),
 - Trực tiếp vận chuyển giữa nước ký Hiệp định (Hàn/Việt), phải đáp ứng mọi yêu cầu quy định trong Hiệp định.

Đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ FTA Hàn-Việt, và có Giấy chứng nhận xuất xứ thì mới nhận được thuế suất Hiệp định FTA Hàn-Việt

Phải chứng minh được xuất xứ hàng hóa thì mới có thể áp dụng được ưu đãi thuế quan từ FTA.

Sự hiểu lầm về những lợi ích thuế quan FTA

Tầm quan trọng

- Khi FTA có hiệu lực, mọi hàng hóa xuất khẩu từ Hàn Quốc đều có thể nhận ưu đãi thuế FTA ở Việt Nam. (X)
 - Ưu đãi thuế FTA có đi kèm điều kiện: Chỉ những hàng hóa đáp ứng đủ yêu cầu quy định trong FTA mới được nhận ưu đãi thuế quan.
- Mọi hàng hóa xuất khẩu từ Hàn Quốc là sản xuất tại Hàn Quốc. (X)
 - Chỉ những hàng hóa đáp ứng đủ yêu cầu chứng nhận sản xuất tại Hàn Quốc với 'tiêu chuẩn xuất xứ' quy định trong Hiệp định FTA mới được công nhận là sản xuất tại Hàn Quốc

III-1. Khái niệm tiêu chuẩn xuất xứ

Tiêu chuẩn xuất xứ			Ý nghĩa	Ghi chú
Tiêu chuẩn thông thường	Nguyên tắc căn bản	Tiêu chuẩn sản xuất thuần túy	Những sản phẩm được sản xuất hoàn toàn hoặc cho ra đời thành phẩm tại nước xuất khẩu đó	Trường hợp sản phẩm chưa hoàn thiện thì áp dụng tiêu chuẩn chuyển đổi thực tế
		Nguyên tắc gia công trong khu vực	Phải được gia công trong khu vực FTA Hàn-Việt chứng nhận có giới hạn việc gia công ngoài khu vực như một ngoại lệ của nguyên tắc gia công trong khu vực (100 hạng mục ở Khu công nghiệp Gaeseong)	
		Nguyên tắc gia công đầy đủ	Trường hợp chỉ thực hiện khâu đơn giản, nhỏ trong sản xuất thì không được chứng nhận xuất xứ	VD: thay đổi bao bì, trộn đơn giản, giết mổ
		Nguyên tắc vận chuyển trực tiếp	Theo nguyên tắc , nước xuất khẩu phải vận chuyển trực tiếp hàng hóa tới nước nhập khẩu , nếu thông qua nước thứ 3 trung gian thì không được chứng nhận xuất xứ	
	Tiêu chuẩn đặc biệt từng lĩnh vực	Tiêu chuẩn tích lũy	Chứng nhận xuất xứ khi sử dụng nguyên vật liệu được chứng nhận có nguồn gốc sản xuất từ quốc gia ký kết Hiệp định	
		Tiêu chuẩn nhỏ	Trường hợp giá trị của nguyên vật liệu ngoài khu vực (trọng lượng) không đáp ứng thay đổi mã số thuế nhưng ít hơn 10% tổng giá trị sản phẩm (trọng lượng), thì vẫn được chứng nhận xuất xứ	
Tiêu chuẩn chuyển đổi thực tế (Tiêu chuẩn xuất xứ từng mặt hàng: PSR)		Tiêu chuẩn chuyển đổi mã số thuế (Tiêu chuẩn thay đổi HS CODE)	Quyết định xuất xứ bằng việc có thay đổi HS CODE hay không giữa các nguyên vật liệu nhập ngoài khu vực với sản phẩm hoàn thiện	Tiêu chuẩn thay đổi 2 đơn vị/4 đơn vị/6 đơn vị (CC/CTH/CTSH)
		Tiêu chuẩn giá trị gia tăng	Quyết định xuất xứ bằng mức giá trị gia tăng được tạo ra trong quá trình gia công trong khu vực	RVC xx%
		Tiêu chuẩn quá trình gia công	Quyết định xuất xứ bằng việc có thực hiện hay không quá trình trọng tâm trong quy trình chế tạo	SP
		Tiêu chuẩn tổ hợp	Phải đáp ứng mọi tiêu chuẩn chuyển đổi thực tế nêu trên thì mới được chứng nhận xuất xứ	CTSH and SP
		Tiêu chuẩn chọn lựa	Phải đáp ứng bất kỳ một tiêu chuẩn chuyển đổi thực tế nêu trên thì mới được chứng nhận xuất xứ	CTH or RVC 40%

Hạng mục kiểm tra:

※ Trước tiên kiểm tra giao dịch giữa hai bên xuất nhập khẩu ở Hàn/Việt đã hoàn tất hay chưa!

- Sản phẩm không sử dụng nguyên vật liệu ngoài khu vực, chỉ được tạo ra từ nguyên vật liệu trong khu vực (tiêu chuẩn sản xuất thuần túy)
- Trường hợp không đáp ứng được tiêu chuẩn sản xuất thuần túy thì xem xét có đáp ứng được tiêu chuẩn xuất xứ không thuần túy (tiêu chuẩn xuất xứ cụ thể mặt hàng: PSR) hay không? (Quyết định xuất xứ)
 - (Tiêu chuẩn chuyển đổi mã HS)
 - (Tiêu chuẩn giá trị khu vực)
 - (Tiêu chuẩn quá trình gia công)
- Hàn Quốc/Việt Nam không thông qua nước thứ 3 mà phải được vận chuyển trực tiếp sang Việt Nam/Hàn Quốc (để đáp ứng nguyên tắc vận chuyển trực tiếp)
- Phải đáp ứng điều kiện có trình tự: xuất được giấy chứng nhận xuất xứ
- Lưu ý sau khi thông quan: nghĩa vụ lưu trữ tài liệu (tối thiểu trên 5 năm), khi cần kiểm chứng xuất xứ: tài liệu căn cứ để quyết định xuất xứ, giấy chứng nhận xuất xứ.

III-2. Kiểm tra tiêu chuẩn xuất FTA Hàn-Việt

Bước 1 : Kiểm tra HS CODE	Bước 2 : Kiểm tra tiêu chuẩn xuất xứ theo từng mặt hàng
Tìm kiếm theo tiêu chuẩn HS CODE 6 đơn vị Trang chủ Cổng thông tin pháp lệnh thuế quan 3.0 - Tham khảo HS CODE tại (https://unipass.customs.go.kr/clip/index.do)	CC / CTH / CTSH / RVC / SP Phụ lục 3-A Chương 3 Hiệp định FTA Hàn-Việt, kiểm tra quy định xuất xứ từng mặt hàng (http://www.fta.go.kr/main/situation/kfta/lov5/vn/2/) Kiểm tra 'Tiêu chuẩn xuất xứ (PSR)' trên trang chủ Cổng thông tin FTA của Tổng cục Hải Quan (http://www.customs.go.kr/portalIndex.html)

Ví dụ tiêu chuẩn xuất xứ từng mặt hàng

류	호	소호 (HS 2012)	품목명	적용가능한 원산지 규정
33	33.04		정유와 레지노이드, 조제향료, 화장품류 또는 화장용품류 미용이나 메이크업용 제품류와 기초화장용 제품류[의약품은 제외하며, 선스크린(sunscreen) 또는 선탠(sun tan) 제품류를 포함한다], 매니큐어용 제품류 또는 페디큐어(pedicure)용 제품류	
		3304.10	-입술화장용 제품류	4 단위 세번변경기준 또는 계약당사국내에서 발생한 부가가치가 40 퍼센트 이상일 것
		3304.20	-눈화장용 제품류	4 단위 세번변경기준 또는 계약당사국내에서 발생한 부가가치가 40 퍼센트 이상일 것
		3304.30	-매니큐어용 제품류 또는 페디큐어(pedicure)용 제품류	4 단위 세번변경기준 또는 계약당사국내에서 발생한 부가가치가 40 퍼센트 이상일 것
			-기타	
		3304.91	--가루(압축한 것인지에 상관없다)	4 단위 세번변경기준 또는 계약당사국내에서 발생한 부가가치가 40 퍼센트 이상일 것
		3304.99	--기타	4 단위 세번변경기준 또는 계약당사국내에서 발생한 부가가치가 40 퍼센트 이상일 것

*Kiểm tra tiêu chuẩn xuất xứ từng mặt hàng được tuân thủ theo tiêu chuẩn 6 đơn vị HS CODE

Mỹ phẩm khác 3304.10

Tiêu chuẩn thay đổi mã HS 4 đơn vị hoặc 40% giá trị khu vực (tiêu chuẩn chọn lựa)

[CTH or RVC 40%]

Mỹ phẩm khác 3304.99

Tiêu chuẩn thay đổi mã HS 4 đơn vị hoặc 40% giá trị khu vực (tiêu chuẩn chọn lựa)

[CTH or RVC 40%]

Sử dụng cổng thông tin FTA của Tổng cục hải quan Hàn Quốc

<http://www.customs.go.kr/portallIndex.html>



Chọn Tiêu chuẩn xuất xứ (PSR)

Nhập 6 chữ số HS CODE (VD) 330499

Kiểm tra tiêu chuẩn quyết định nơi sản xuất FTA Hàn-Việt

Trường hợp quyết định tiêu chuẩn xuất xứ từng mặt hàng

Q Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hàn Quốc muốn nhập khẩu chỉ sợi Trung Quốc, làm thành chỉ dệt may quần áo, rồi xuất khẩu sang Việt Nam thì có được nhận ưu đãi đặc biệt thuế quan theo Hiệp định FTA Hàn Việt không?

※ Sản xuất tại Hàn Quốc/ Xuất khẩu sang Việt Nam

- Nguyên vật liệu: Nhập khẩu Trung Quốc → không thỏa mãn tiêu chuẩn hoàn toàn sản xuất
- Sản xuất chỉ dệt may: Kiểm tra có thay đổi thực tế không → Kiểm tra tiêu chuẩn xuất xứ từng mặt hàng của chỉ dệt may (nguyên liệu cuối)
 - HS CODE : 5401.10
 - CC or RVC 40%
 (Tiêu chuẩn thay đổi mã số thuế 2 đơn vị hoặc giá trị gia tăng phát sinh ở quốc gia ký kết Hiệp định phải trên 40%)

○ So sánh mã số thuế HS CODE của nguyên liệu cuối với nguyên vật liệu sản xuất ngoài khu vực

(Nguyên liệu cuối)	54	01	10
(Nguyên vật liệu)	54	02	20
	(2đơn vị)	(4đơn vị)	(6đơn vị)
	CC	CTH	CTSH

☞ Nếu vật liệu sản xuất ngoài khu vực có "54" trong hai chữ số của mã HS code thì không đảm bảo tiêu chuẩn xuất xứ

IV. Chứng nhận xuất xứ FTA Hàn-Việt

Mẫu giấy chứng nhận xuất xứ FTA Hàn-Việt

Original (Duplicate/Triplicate)				ATTACHMENT 1	
1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference No. KOREA-VIETNAM FREE TRADE AGREEMENT PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM KV		
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)			Issued in _____ (Country) See Notes Overleaf		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use ☐ Preferential Tariff Treatment Given Under Korea-Viet Nam Free Trade Agreement ☐ Preferential Tariff Treatment Not Given (Please state reason/s)		
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS code of the good in the importing country)	8. Origin criterion (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB only when RVC criterion is used)	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct, that all the goods were produced in _____ (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Korea-Viet Nam Free Trade Agreement for the goods exported to _____ (Importing Country) Place and date, signature of authorized signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. Remarks					

* Phụ lục 3-C Chương 3 Hiệp định FTA Hàn-Việt

* Ghi 6 chữ số HS CODE: của quốc gia nhập khẩu "Harmonized System code shall be that of the importing Party"

* Origin criterion : Ghi tiêu chuẩn quyết định xuất xứ từng mặt hàng (CC, CTH, CTSH, RVC, SP...)

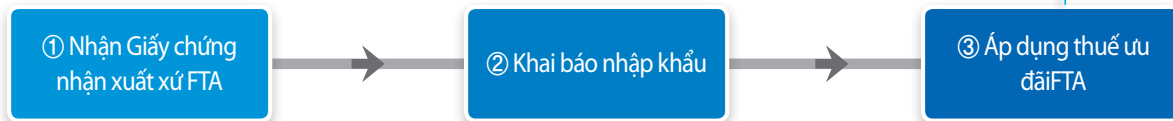
Tầm quan trọng

Cấp giấy chứng nhận xuất xứ FTA Hàn-Việt

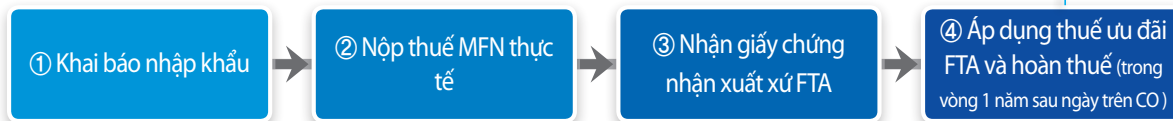
- Phương pháp cấp: Cơ quan cấp phát sẽ cấp theo đăng ký của bên xuất khẩu, nhà sản xuất
 - Cơ quan cấp phát: Ở Hàn Quốc: Tổng cục Hải Quan, Phòng thương mại và công nghiệp Hàn Quốc/ Ở Việt Nam: Bộ Công thương (MOIT)
- Thời gian đăng ký xin cấp: Trước ngày giao hàng, từ ngày giao hàng hoặc trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày giao hàng (bao gồm ngày giao hàng) Tuy nhiên, trường hợp có lý do thỏa đáng, thì có thể ghi "Cấp sau, và có hiệu lực từ khi giao hàng (Issued Retroactively)" và được cấp sau trong vòng 1 năm kể từ ngày giao hàng
- Được ký tay, hoặc dùng chữ ký điện tử, đóng dấu và in ấn
- Gửi bản gốc (Original) cho bên nhập khẩu

Trình tự nhận giấy chứng nhận xuất xứ và đăng ký cho thuế xuất ưu đãi

Thông quan nhập khẩu sau khi nhận được Giấy chứng nhận xuất xứ FTA (Thủ tục thông thường)



Nhận giấy chứng nhận xuất xứ FTA sau khi thông quan nhập khẩu (Thủ tục đăng ký sau)



- Phải sở hữu bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ để đăng ký thuế ưu đãi đặc biệt FTA Hàn-Việt
- Tuy nhiên, hàng hóa trị giá dưới 600 đô la Mỹ được miễn nộp Giấy chứng nhận xuất xứ
- Trường hợp không trình được Giấy chứng nhận xuất xứ khi nhập khẩu, thì có thể đăng ký sau xin thuế ưu đãi trong vòng 1 năm, có thể được hoàn trả phần thuế chênh lệch giữa thuế MFN thực tế đã nộp và thuế ưu đãi FTA

Thông tin quan trọng Kiểm tra hiệu lực của Giấy chứng nhận xuất xứ FTA Hàn-Việt

- Có thể kiểm tra được Giấy chứng nhận xuất xứ tại trang Web dưới đây.

Giấy chứng nhận xuất xứ do Hàn Quốc cấp

1) Vào trang web KCS(<http://english.customs.go.kr>)

1. Chọn 'Information Plaza'
2. Chọn 'Certificate of Origin'

1. Nhập số Reference và Mã Reference của Giấy chứng nhận xuất xứ để xác minh
2. Chọn 'Search'

2) Vào trang chủ của Korcham (<http://cert.korcham.net/search>)

1. Nhập năm phát hành Giấy chứng nhận xuất xứ
2. Nhập số Reference và Mã Reference của Giấy chứng nhận xuất xứ để xác minh
3. Chọn 'Check it out'

Authenticity of a documents certified by KCCI
Republic of Korea

Issued Year: 2016
Reference No: Please enter referenceNo only
Reference Code: Please enter referenceCode only
Check it out

Giấy chứng nhận xuất xứ do Việt Nam cấp

1) Vào trang chủ ECOSYS (<http://www.ecosys.gov.vn>)

1. Chọn Drop Box "TRA CỨU C/O"
2. Chọn "English"

1. Chọn Drop Box "TRA CỨU C/O"
2. Chọn "English"

1. Chọn Drop Box "TRA CỨU C/O"
2. Chọn "English"

2) Vào trang chủ của Korcham (<http://cert.korcham.net/search>)

1. Chọn Drop Box "TRA CỨU C/O"
2. Chọn "English"

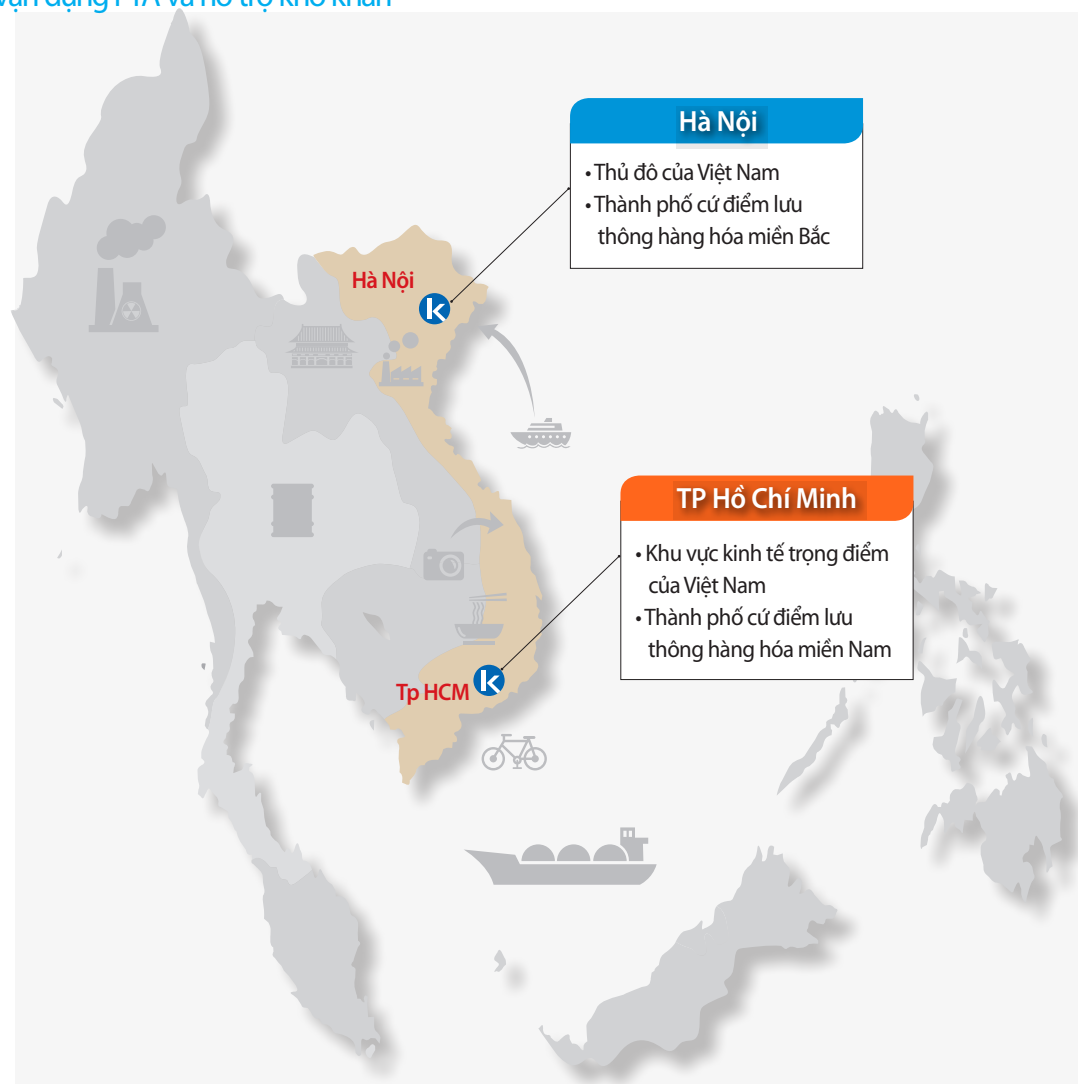
1. Chọn Drop Box "TRA CỨU C/O"
2. Chọn "English"

1. Chọn Drop Box "TRA CỨU C/O"
2. Chọn "English"

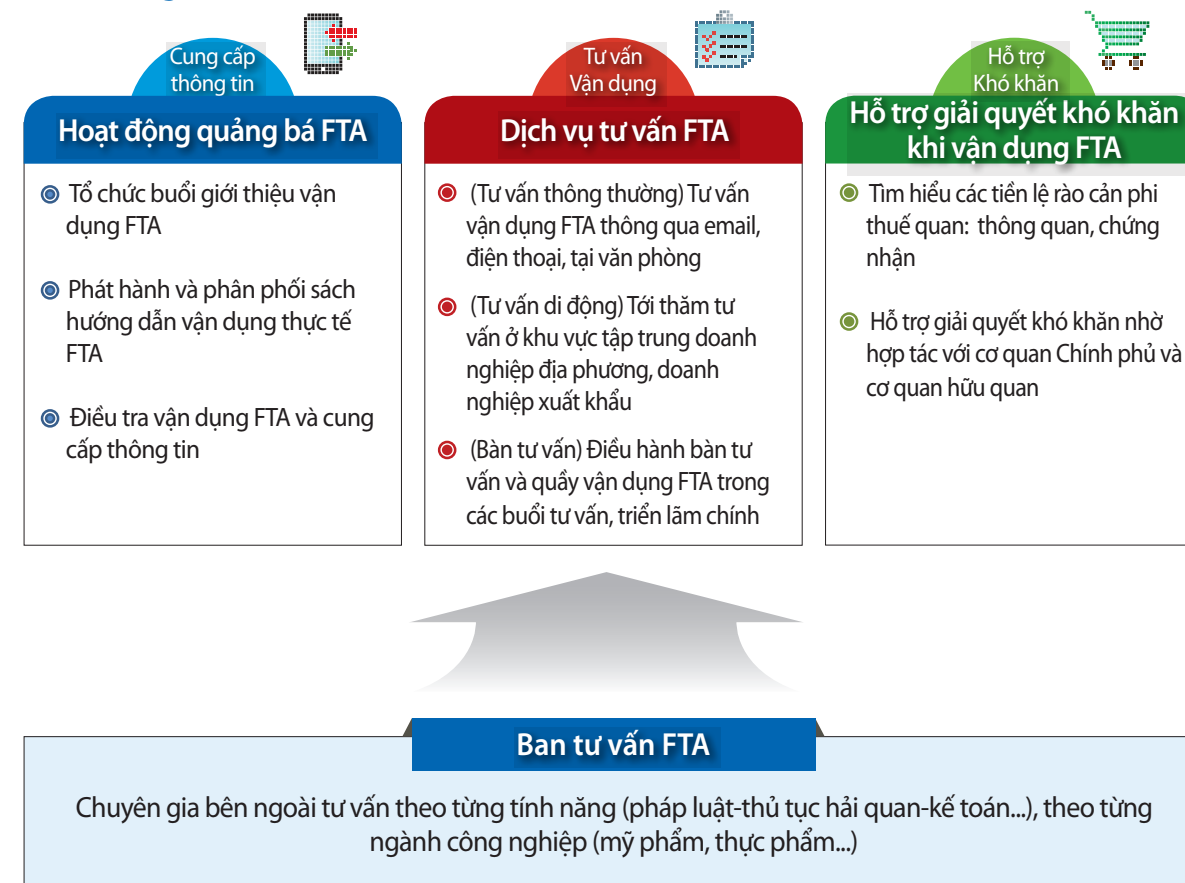
V. Trung tâm hỗ trợ FTA Hàn-Việt KOTRA

Trung tâm hỗ trợ FTA được đặt ở thành phố lớn của Việt Nam

- FTA Hàn-Việt, quý vị đã vận dụng được tới đâu?
- Sau khi FTA có hiệu lực, quý vị có gặp khó khăn khi vận dụng do nội dung phức tạp không?
- Sẽ chẳng còn khó khăn nếu cùng làm với KOTRA.
- Chúng tôi sẽ giúp quý vị tất cả những gì liên quan tới FTA từ cung cấp thông tin FTA tới tư vấn vận dụng FTA và hỗ trợ khó khăn



Chức năng chính



Liên hệ

Trung tâm Hà Nội 1. 김태윤 (Mr. Kim Tae Yoon)
TEL :84-24-3946-0511(620)
EMAIL: kty5714@naver.com

2. Nguyen Thi Thanh Tuan (Ms)
TEL: 84-24-3946-0511(623)
EMAIL : thanh tuanmc061289@gmail.com / thanh tuan@kotra.or.kr

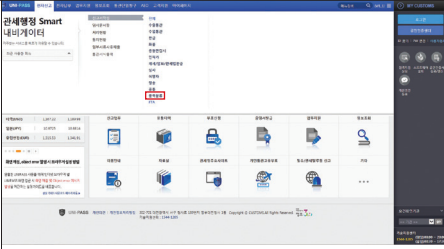
| Nguồn thông tin chính |



1. Hiệp định FTA Hàn-Việt (kiểm tra thuế ưu đãi đặc biệt, tiêu chuẩn xuất xứ)

- » Tên cổng thông tin : **Cường quốc FTA, Hàn Quốc**
- » Địa chỉ : <http://www.fta.go.kr>
- » Điện thoại : Trung tâm FTA 1380
- » Cơ quan điều hành : Bộ Năng lượng Thương mại Công nghiệp Hàn Quốc

- Xem tổng hợp về tình hình FTA Hàn Quốc
- Vận dụng FTA, đối sách hỗ trợ Hàn Quốc
- Thông tin thuế suất, thông tin xuất xứ
- Quảng trường thông tin FTA (tin tức mới nhất, tư liệu tham khảo, tìm hiểu FTA dễ dàng)



2. Chế độ thẩm tra trước khi phân loại mặt hàng*Cách sử dụng

- » Tên cổng thông tin : **UNI-PASS**
- » Địa chỉ : <https://unipass.customs.go.kr>
- 1. Truy cập trang chủ Tổng cục Hải quan Hàn Quốc
- 2. Khai báo điện tử -> Phân loại mặt hàng -> Chọn "Đơn đăng ký thẩm tra trước khi phân loại mặt hàng"
- 3. Điền đơn đăng ký và gửi đi
- » Cơ quan điều hành : Tổng cục Hải Quan Hàn Quốc

- **Hiệu lực hồi âm**, Trường hợp hàng hóa đã khai báo xuất nhập khẩu thống nhất với hàng hóa đã được hồi âm, Cục trưởng Tổng cục Hải Quan sẽ phân loại mặt hàng theo nội dung thông báo, giấy thẩm tra trước khi phân loại mặt hàng có hiệu lực trong 1 năm kể từ ngày cấp



3. Hiệp định FTA Hàn-Việt

- » Tên cổng thông tin : **Giải pháp tổng hợp Tổng cục Hải Quan Hàn Quốc Yes FTA**
- » Địa chỉ : <http://www.customs.go.kr/portallIndex.html>
- » Điện thoại : Trung tâm hỗ trợ khách hàng FTA (không cần mã vùng) 125
- » Cơ quan điều hành : Tổng cục Hải Quan Hàn Quốc

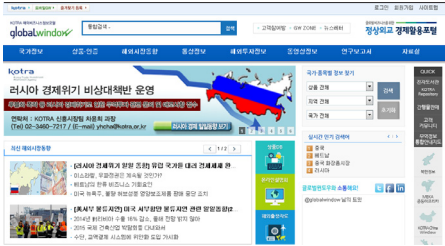
- Hệ thống quản lý xuất xứ (FTA-PASS)
- Kiểm chứng xuất xứ (hướng dẫn lưu trữ tài liệu, tiến lệ kiểm chứng, Tổ tư vấn chuyên trách kiểm chứng sau FTA của Trung tâm hỗ trợ kiểm chứng xuất xứ (1577-8577))
- Tài liệu theo từng Hiệp định, thống kê FTA, thông tin thuế suất



4. Trung tâm hỗ trợ tổng hợp thương mại FTA

- » Tên cổng thông tin : **Trung tâm hỗ trợ tổng hợp thương mại FTA**
- » Địa chỉ : <http://okfta.kita.net>
- » Điện thoại : Trung tâm FTA 1380
- » Cơ quan điều hành : Bộ năng lượng thương mại công nghiệp Hàn Quốc, Hiệp hội thương mại Hàn Quốc

- FTA 1380 tư vấn (tư vấn theo ngành nghề-theo Hiệp định-theo loại khó khăn)
- Hướng dẫn thủ tục FTA theo bên xuất khẩu, bên xuất khẩu ở địa phương, bên nhập khẩu
- Vận dụng FTA (phân tích hiệu quả FTA, phân loại mặt hàng, kiểm tra tiêu chuẩn xuất xứ, quyết định xuất xứ, cấp Giấy chứng nhận xuất xứ, hệ thống quản lý xuất xứ, tài liệu và quản lý chứng minh, phòng khi kiểm chứng hậu kỳ)
- Thông tin Hiệp định FTA (Tình hình ký kết FTA của Hàn Quốc, các quốc gia lớn, trên toàn thế giới)
- Thuế suất/ xuất xứ (điều tra thuế xuất nhập khẩu, tiêu chuẩn xuất xứ, mô phỏng quyết định, phân loại mặt hàng HSK...)



5. Thông tin quốc gia, thông tin thương mại, xu hướng thị trường nước ngoài

- » Tên cổng thông tin : **Global Window (KOTRA)**
- » Địa chỉ : <http://www.globalwindow.org>
- » Điện thoại : 1600-7119
- » Cơ quan điều hành : KOTRA

- Thông tin quốc gia của 151 nước
- Công nghiệp (hàng hóa)-xu hướng kỹ thuật (chế độ chứng nhận nước ngoài, báo cáo công nghiệp triển vọng của từng quốc gia)
- Xu hướng thị trường nước ngoài (thông tin hiện trường, nhà báo/tòa soạn, tin ảnh, thư tin tức GVJ)
- Thông tin thương mại (chính sách thương mại-FTA từng quốc gia, quy chế thống quan-nhập khẩu, TBT, tin nhanh thương mại liên quan tới rào cản khác)
- Thông tin đầu tư nước ngoài (tin nhanh đầu tư nước ngoài, thông tin bảo vệ nhân viên thường trú nước ngoài, hướng dẫn người đầu tư, tin tức đầu tư hàng tuần)
- Báo cáo nghiên cứu (kinh tế chính trị, thương mại, công nghiệp hàng hóa, đầu tư nước ngoài)
- Phòng tư liệu (chiến lược đầu tư từng quốc gia-từng khu vực, tài liệu công tác nước ngoài, vấn đề toàn cầu, vấn đề tồn đọng về kinh tế-thương mại)



6. Giới thiệu đào tạo vận dụng FTA

- » Tên cổng thông tin : **FTA, Hàn Quốc**
- » Địa chỉ : <http://www.fta.go.kr>
- 1. Sau khi truy cập trang chủ FTA Chính phủ (www.fta.go.kr), chọn "Viện nghiên cứu tin học FTA"
- » Điện thoại : Trung tâm FTA 1380
- » Cơ quan điều hành : Bộ năng lượng thương mại công nghiệp Hàn Quốc

- * Khóa bồi dưỡng nhân lực chuyên môn trong vận dụng FTA của Viện nghiên cứu toàn cầu KOTRA
- Khóa dành cho người đang đi làm theo từng ngành nghề FTA, khóa bồi dưỡng tư vấn FTA
- Điện thoại tư vấn : 02-3497-1192